

sử dụng được hết tiêu chuẩn bồi dưỡng; tuyệt đối không được phát tiền hoặc phiếu mua thực phẩm cho công nhân thay thế chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật.

Công nhân không được mang tiêu chuẩn bồi dưỡng của mình sử dụng vào các việc khác.

Tiêu chuẩn bồi dưỡng bằng hiện vật trên đây thay thế cho các tiêu chuẩn bồi dưỡng bằng hiện vật trước đây đã quy định tạm thời cho thợ lặn.

2. Thuốc bổ: Thợ lặn và thợ tập lặn làm công việc lặn từ 10 ngày trở lên trong một tháng được hưởng thêm tiêu chuẩn thuốc bổ như sinh tố B, C, AD (dầu cá), thuốc bổ máu trị giá 2đ cho mỗi người trong một tháng. Cơ quan sử dụng thợ lặn lập dự trữ hàng năm gửi cho quốc doanh được phẩm địa phương để cơ quan này cung cấp hàng tháng.

Thông tư này áp dụng cho tất cả những người làm công việc lặn không phân biệt trong hay ngoài biên chế.

Các ông thủ trưởng đơn vị có sử dụng thợ lặn chịu trách nhiệm về việc thi hành chế độ này.

Những người làm nghề lặn tự do, làm việc theo tổ chức gia công, đặt hàng, không thuộc đối tượng áp dụng thông tư này.

Riêng đối với công nhân đánh cá biển thuộc ngành thủy sản khi lặn ở ngoài biên thì vẫn áp dụng theo thông tư số 11-TS-TT ngày 11-1-1961 của Tổng cục Thủy sản.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế nghị định số 674-NĐ-LB ngày 24-9-1957 và thông tư số 34-TT-LB ngày 25-9-1957 của liên Bộ Thủy lợi và Kiến trúc—Giao thông và Bưu điện—Lao động—Tài chính về chế độ làm việc và phụ cấp bồi dưỡng sức khỏe cho thợ lặn.

Hà-nội, ngày 19 tháng 12 năm 1964.

Bộ trưởng
Bộ Y tế

Bộ trưởng
Bộ Lao động

PHẠM NGỌC THẠCH

NGUYỄN VĂN TẠO

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT-NAM
—TỔNG CỤC THỦY SẢN

THÔNG TƯ liên Bộ số 09-TT-TĐ-NLND
ngày 19-12-1964 về việc cho vay đối
với các hợp tác xã nuôi thủy sản
nước lợ và nước mặn.

Nguồn lợi thủy sản lợ mặn miền Bắc nước ta rất to lớn. Nó có một vị trí quan trọng trong

nền kinh tế quốc dân. Phát triển mạnh mẽ việc nuôi thủy sản không những chỉ để đáp ứng cho nhu cầu kinh tế mà còn có ý nghĩa to lớn về mặt chính trị và quốc phòng.

Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 5 nói về phát triển nông nghiệp đã đề ra "... Phát triển rộng khắp việc nuôi thủy sản trong hợp tác xã và ở các cơ sở quốc doanh, tận dụng nguồn nước ngọt, nước mặn, nước lợ..."

Để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ trên chủ yếu dựa vào khả năng nhân tài vật lực của quần chúng, mặt khác Nhà nước cần tích cực giúp đỡ nhân dân khắc phục một phần khó khăn về vốn; về kỹ thuật v.v...

Riêng phần giúp vốn Ngân hàng Nhà nước và Tổng cục Thủy sản ra thông tư liên Bộ này quy định một số điều cơ bản về công tác cho vay và thu nợ đối với các hợp tác xã nuôi thủy sản lợ mặn.

I. NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG CHO VAY

Sau khi đã huy động hết mọi khả năng nhân tài vật lực của hợp tác xã để làm nguồn vốn tự có, Ngân hàng Nhà nước tích cực cho hợp tác xã nuôi thủy sản lợ mặn vay thêm một phần vốn dài hạn và ngắn hạn. Vốn vay dài hạn để dùng vào việc xây dựng các đầm nuôi thủy sản và mua sắm thêm phương tiện cơ bản dùng vào việc khai thác. Vốn vay ngắn hạn để bù đắp vào phần vốn lưu động cần thiết nhằm giải quyết kịp thời các chi phí nuôi và chế biến. Vốn cho vay phải thực sự mang lại hiệu quả kinh tế làm tăng cơ sở vật chất, tăng thêm nguồn lợi thủy sản, tăng thu nhập cho xã viên góp phần củng cố hợp tác xã về mọi mặt.

Hướng cho vay là phải tập trung vốn vào những vùng sản xuất trọng điểm, về nuôi thủy sản lợ mặn của từng địa phương.

II. ĐIỀU KIỆN, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI HẠN CHO VAY

A) Đối với hợp tác xã

a) Điều kiện cho vay:

Hợp tác xã nuôi thủy sản lợ mặn muốn được vay cần phải có các điều kiện sau đây:

1. Phải lập được kế hoạch sản xuất, kế hoạch thu chi tài vụ; kế hoạch vay vốn và trả nợ Ngân hàng trong năm, có chia ra từng vụ. Các kế hoạch đó phải được thông qua đại hội xã viên, Ủy ban hành chính địa phương và Ty Thủy sản duyệt y và sau đó gửi đến Ngân hàng một bản;

2. Phải mở tài khoản tiền gửi, tài khoản chuyên dùng tại Ngân hàng hoặc tại hợp tác xã tín dụng gần nhất được Ngân hàng ủy nhiệm, bảo đảm thực hiện những quy định về quản lý tiền mặt do Ngân hàng đề ra;

3. Sổ sách kế toán phải mở đầy đủ. Hàng tháng phải lên được bảng cân đối số dư bảo đảm chính xác và gửi cho Ngân hàng;

4. Phải có vốn tự có tham gia vào các chi phí cơ bản và các chi phí kinh doanh sản xuất. Thực hiện đúng chính sách phân phối ăn chia đã được quy định;

5. Có ký kết hợp đồng và thực hiện đúng hợp đồng bán sản phẩm cho Nhà nước.

b) Đối tượng cho vay :

1. Các đối tượng cho vay dài hạn gồm :

a) Loại có đê cống : Cho vay các chi phí về xây cống đê lấy cá giống, xây kè, đắp đê, xây ao, giống trồng cây công nghiệp lâu năm ;

b) Loại không có đê cống : Cho vay đê mua đá, cọc, dây treo làm vật bám, đê mua sắm phương tiện cơ bản như thuyền trọng tải từ 5 tấn trở xuống và các công cụ đất tiền lâu hồng khác.

2. Các đối tượng cho vay ngắn hạn gồm :

- Các chi phí sửa chữa lớn ;
- Các chi phí sản xuất (thức ăn cho cá v.v...);
- Các chi phí chế biến.

c) Thời hạn cho vay :

1. Dài hạn :

— Xây dựng đê, kè, cống và mua sắm thuyền tối đa là 5 năm ;

— Mua sắm phương tiện cơ bản, công cụ đất tiền lâu hồng khác tối đa là 3 năm.

2. Ngắn hạn :

Thời hạn cho vay ngắn hạn tối đa không quá 12 tháng.

B) Đối với quốc doanh

Việc cho vay đối với các cơ sở quốc doanh nuôi thủy sản lợi nhuận chuyên nghiệp hay coi như một ngành phụ trong nông trường quốc doanh đều không áp dụng các điều quy định trong thông tư này. Ngân hàng chỉ cho vay ngắn hạn thuộc vốn lưu động định mức của các quốc doanh đó theo thề lệ cho vay ngắn hạn đối với công, nông trường quốc doanh đã ban hành.

III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP CHO VAY VÀ THU NỢ

a) Cho vay :

1. Trước khi cho vay cán bộ Ngân hàng và thủy sản phải phối hợp với nhau nghiên cứu

kỹ quy hoạch, điều tra rõ tình hình đề tính toán hiệu quả kinh tế của công trình. Phải căn cứ vào các bảng thiết kế đã được thủy sản phê duyệt đề tính toán dự trừ chi phí nhằm đảm bảo kỹ thuật và giá cả hợp lý của công trình. Dựa vào sự kiểm tra tính toán trên đề xét duyệt kế hoạch vay vốn của hợp tác xã và quyết định việc cho vay.

2. Việc cho vay phải kịp thời đề chuẩn bị nguyên vật liệu nhằm đẩy mạnh việc xây dựng công trình đảm bảo hoàn thành nhanh chóng đề đưa vào sản xuất đúng hạn. Quá trình cho vay phải kiểm tra việc sử dụng vốn đúng mục đích, kiểm tra giá cả và kỹ thuật của công trình nhằm tiết kiệm vốn và đảm bảo chất lượng của công trình.

3. Quyền phán quyết cho vay quy định như sau :

— Từ 20.000 đồng trở lên do Ngân hàng trung ương kết hợp với Tổng cục Thủy sản xét duyệt ;

— Từ 20.000 đồng trở xuống do Chi nhánh Ngân hàng tỉnh cùng với Ty Thủy sản xét duyệt ;

Tùy hoàn cảnh từng địa phương, Chi nhánh Ngân hàng tỉnh cùng với Ty Thủy sản bàn bạc giao quyền phán quyết cho Chi điểm Ngân hàng và Thủy sản huyện xét cho hợp tác xã vay xây dựng những đầm nuôi cá nhỏ, ít vốn.

b) Thu nợ :

Cách tính toán thu nợ nói chung vẫn theo nguyên tắc, thề lệ, biện pháp mà Ngân hàng trung ương đã ban hành. Riêng trong nghề nuôi thủy sản cần chú ý những điểm như sau :

— Mức thu nợ hàng năm phải chia ra từng quý, mức định thu từng quý lại chia ra làm nhiều lần cho phù hợp với mức thu nhập từng lúc. Tập trung thu vào những lúc thu hoạch nhiều.

— Thu một phần hay toàn bộ quỹ khấu hao cơ bản hàng năm của hợp tác xã, nếu quỹ khấu hao không có đủ thì thu vào quỹ tích lũy ;

— Tài sản cố định, phương tiện cơ bản nào thuộc đối tượng vay của Ngân hàng sau khi hợp tác xã đem bán đi hoặc đề hư hỏng thì phải tiến hành thu nợ ngay ;

— Nợ ngắn hạn phải tùy từng đối tượng khác nhau mà tiến hành thu cho đúng mức. Nợ chi phí kinh doanh nuôi cá thu vào lúc thu hoạch cá theo thời vụ, hết vụ thu hoạch coi như thu xong nợ ;

— Nợ về chi phí chế biến thu vào lúc tiêu thụ sản phẩm chế biến. v.v...

Nợ về sửa chữa lớn thu bằng tiền khấu hao sửa chữa lớn nếu khấu hao sửa chữa lớn không đủ trả nợ thì hợp tác xã phải trích thêm chi phí sản xuất để trả.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA HAI NGÀNH

Ngành Thủy sản:

— Chỉ đạo hợp tác xã đề ra phương hướng sản xuất phù hợp với phương hướng phát triển nghề nuôi thủy sản lợi mặn của Đảng và Nhà nước, giúp hợp tác xã lập quy hoạch và thiết kế thật cụ thể các công trình nuôi thủy sản lợi mặn, xem xét kỹ càng, thận trọng khi yêu cầu vay vốn;

— Kiểm tra, đôn đốc hợp tác xã thi công đê, cống bảo đảm yêu cầu kỹ thuật và hướng dẫn hợp tác xã tổ chức quản lý thực hiện các biện pháp tăng sản;

— Đôn đốc các hợp tác xã trích lập các quỹ chuyên dùng đúng quy định, gửi các loại quỹ vào Ngân hàng, trả nợ cho Ngân hàng đúng kỳ hạn và ít nhất phải tương ứng với mức tiêu hao của tài sản cố định;

— Tham gia giúp đỡ hợp tác xã về mặt quản lý tài vụ được tốt.

Ngành Ngân hàng:

— Giúp đỡ các hợp tác xã nuôi thủy sản lập kế hoạch vay vốn đúng đắn. Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng vốn đúng mục đích, không sử dụng lẫn lộn giữa vốn ngắn hạn với vốn dài hạn, kịp thời ngăn chặn hiện tượng lãng phí vốn;

— Hướng dẫn hợp tác xã mở các loại tài khoản tại Ngân hàng và nguyên tắc sử dụng vốn các tài khoản đó, góp phần giải quyết những khó khăn bước đầu trong việc quản lý sản xuất, tài vụ kinh doanh của hợp tác xã;

— Đảm bảo cho vay kịp thời thu nợ đúng kỳ hạn, góp phần tăng nhanh tốc độ chu chuyển vốn, đảm bảo không để mất vốn.

Trên đây sơ bộ nêu ra phương hướng và một số biện pháp cho vay thu nợ, trách nhiệm của hai ngành Ngân hàng và Thủy sản đối với các hợp tác xã nuôi thủy sản nước lợ và nước mặn.

Yêu cầu Ủy ban hành chính các cấp, các Chi nhánh, Chi điểm Ngân hàng, các Ty, các Phòng Thủy sản nghiên cứu kỹ thông tư này và có biện pháp chỉ đạo thực hiện tốt nhằm góp phần đẩy mạnh phong trào nuôi thủy sản lợi mặn miền Bắc nước ta ngày càng phát triển rộng rãi và vững chắc.

Hà-nội, ngày 19 tháng 12 năm 1964.

Tổng cục trưởng	K.T Tổng giám đốc
Tổng cục Thủy sản	Ngân hàng Nhà Nước
NGUYỄN TRỌNG TÍNH	Việt-nam
	Phó tổng giám đốc
	VŨ DUY HIỆU

BỘ CÔNG NGHIỆP NHE

THÔNG TƯ số 313-BCNNh-CBLĐ
ngày 23-11-1964 quy định chế độ
trang bị phòng hộ lao động trong
ngành công nghiệp nhẹ.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP NHE

Kính gửi:

Ông Cục trưởng các Cục Quản lý sản xuất,

Ông Giám đốc các xí nghiệp,

Ông Giám đốc các Sở, Ty Công nghiệp và thủ công nghiệp,

Ông Giám đốc các Cục, Vụ, Viện;

Trường thuộc Bộ,

Trong mấy năm qua, trước yêu cầu sản xuất ngày càng phát triển, đề đảm bảo an toàn trong sản xuất và bảo vệ sức khỏe cho công nhân, viên chức Bộ Lao động đã ban hành các thông tư số 18-LĐTT ngày 17-6-1958, thông tư số 4-LĐ-TT ngày 13-2-1961 và thông tư số 13-LĐ-TT ngày 29-6-1962 thay thế các thông tư nói trên và quy định có tính chất nguyên tắc chung về trang bị phòng hộ cho các ngành nghề. Các xí nghiệp thuộc Bộ đã dựa vào các thông tư trên đề quy định cụ thể chế độ trang bị cho các ngành nghề thuộc các xí nghiệp mình và đã có nhiều cố gắng trong việc cấp phát, sử dụng và nghiên cứu cải tiến một số loại dụng cụ phòng hộ lao động cho thích hợp. (Trong thông tư này dùng chữ phòng hộ để thay thế chữ phòng hộ lao động).

Nhưng đến nay, tình hình sản xuất của ngành công nghiệp nhẹ ngày càng phát triển nhanh chóng bao gồm nhiều ngành nghề khác nhau, thao tác phức tạp, sử dụng nhiều hóa chất, công nhân làm việc trong những điều kiện tiếp xúc với nhiều hơi nóng, bụi độc, khí độc v.v... nhưng chế độ trang bị phòng hộ chưa được ban hành đầy đủ và thống nhất cho toàn ngành do đó xí nghiệp cũng gặp trở ngại trong việc dự trữ mua sắm dụng cụ phòng hộ để trang bị cho công nhân sản xuất. Mặt khác việc quy định và phân công trách nhiệm của các bộ môn chưa được rõ ràng, nội quy sử dụng bảo quản các dụng cụ phòng hộ cũng chưa được quy định cụ thể.

Căn cứ theo tinh thần thông tư số 13-LĐ-TT ngày 29-6-1962 của Bộ Lao động về việc quy định nguyên tắc cấp phát, sử dụng và giữ gìn trang bị phòng hộ: